

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU  
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2022/HNGĐ-ST

Ngày 12-8-2022

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU – TỈNH QUẢNG NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* ông Phạm Ngọc Bình

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Giới.

2. Ông Trần Hữu Trung.

**- Thư ký phiên tòa:** ông Hoàng Đức Trọng – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

**- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Triều tham gia phiên tòa:** bà Dương Thị Nhân - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 03 tháng 8 năm 2022 và ngày 12 tháng 8 năm 2022, tại Phòng xử án, Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 156/2022/TLST- HNGĐ, ngày 05 tháng 5 năm 2022 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2022/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Trần Thị Thu H, sinh năm 1981.

Trú tại: khu B, phường H, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

**2. Bị đơn:** Bùi Văn T, sinh năm 1977.

Trú tại: khu B, phường H, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22 tháng 4 năm 2022 và bản tự khai ngày 06 tháng 7 năm 2022, nguyên đơn Trần Thị Thu H trình bày:

Chị và anh Bùi Văn T tự nguyện kết hôn, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân phường H, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh năm 2002. Sau khi kết hôn, anh chị về chung sống tại khu B, phường H, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng giữa hai người không còn, cuộc sống chung vợ chồng không còn hạnh phúc, chị làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có 03 con là C1, sinh ngày 26/12/2002 (đã thành niên); C2, sinh ngày 13/11/2006 và C3, sinh ngày 04/6/2012. Sau khi ly hôn, chị đề nghị trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu C3; anh Bùi Văn Trúc trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu C2; không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: không có.

*Tại bản tự khai ngày 01/8/2022, anh Bùi Văn T có lời khai như sau:*

Về tình cảm: Anh và chị Trần Thị Thu H tự nguyện kết hôn, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân phường H, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh ngày 04/02/2002. Sau khi kết hôn, anh chị về chung sống tại khu B, phường H, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn không to tát dẫn đến việc phải ly hôn. Anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có 03 con là C1, sinh ngày 26/12/2002 (đã thành niên); C2, sinh ngày 13/11/2006 và C3, sinh ngày 04/6/2012. Nếu ly hôn, anh đề nghị trực tiếp nuôi dưỡng cháu C2 và C3; không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: không có.

*Tại biên bản xác minh tại địa phương ngày 20/6/2022 ông Nguyễn Văn T (trưởng khu Bến Triều) cho biết:*

Anh Bùi Văn T và chị Trần Thị Thu H tự nguyện kết hôn, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân phường H, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh năm 2002. Sau khi kết hôn, anh chị về chung sống tại khu B, phường H, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh. Quá trình chung sống đến khoảng tháng 8 năm 2021 thì anh chị phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn như thế nào thì ông không nắm được. Vợ chồng anh chị vẫn chung sống cùng nhà nhưng không quan tâm đến nhau. Anh chị có 03 con là C1, sinh ngày 26/12/2002 (đã thành niên); C2, sinh ngày 13/11/2006 và C3, sinh ngày 04/6/2012. Hiện nay cháu C2 và cháu C3 cùng sống với bố mẹ tại địa phương. Về tài sản chung và các khoản nợ chung của anh T, chị H ông không nắm rõ.

*\* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:*

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định tại Điều 196, 203 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử và thư ký tại phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Trần Thị Thu H về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa:

[1]*Về quan hệ tranh chấp:* chị Trần Thị Thu H có đơn khởi kiện đề nghị được ly hôn với anh Bùi Văn T. Đây là vụ án “*Tranh chấp về hôn nhân gia đình*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a, khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2]*Về thủ tục tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải theo đúng trình tự và thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Trong quá trình tổng đạt các tài liệu, quyết định tố tụng của Tòa án cho các đương sự theo đúng trình tự thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa, chị Trần Thị Thu H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh Bùi Văn T vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[3]*Về tình cảm:* chị Trần Thị Thu H và anh Bùi Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký năm 2002 tại Ủy ban nhân dân xã H (nay là phường H), thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh. Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì và phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Mặc dù anh chị sống cùng nhà nhưng theo xác nhận của địa phương: anh chị không còn quan tâm đến nhau. Như vậy, thực tế cuộc hôn nhân của anh chị đã mâu thuẫn trầm trọng mà không thể hàn gắn được, mục đích chung sống không đạt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, yêu cầu của chị Trần Thị Thu H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bùi Văn T có căn cứ pháp luật, cần chấp nhận.

[4]*Về con chung:* Quá trình chung sống anh chị có 03 con là C1, sinh ngày 26/12/2002 (đã thành niên); C2, sinh ngày 13/11/2006 và C3, sinh ngày 04/6/2012. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Bùi Văn T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu chưa thành niên là C2 và C3; không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Trần Thị Thu H thể hiện nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu C3 và anh Bùi Văn T trực tiếp nuôi dưỡng cháu C2; không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Trong quá trình giải quyết vụ án, cháu C3

có nguyện vọng được sống cùng mẹ, cháu C2 có nguyện vọng được sống cùng bố. Xét nguyện vọng của chị Trần Thị Thu H phù hợp với nguyện vọng của các con chung. Việc giao cho anh chị mỗi người trực tiếp chăm sóc một con chung chưa thành niên là phù hợp với hoàn cảnh của mỗi người. Hội đồng xét xử thấy nguyện vọng của chị Trần Thị Thu H có căn cứ pháp luật nên cần chấp nhận.

[4]*Về tài sản chung và các khoản nợ*: anh chị không có khoản nợ chung. Tài sản chung của vợ chồng anh chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

[5]*Về án phí*: chị Trần Thị Thu H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ: Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 57; khoản 1, 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Thu H về việc ly hôn.

1. Về tình cảm: chị Trần Thị Thu H được ly hôn với anh Bùi Văn T.

2. Về con chung:

+ Chị Trần Thị Thu H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung C3 sinh ngày 04/6/2012 kể từ tháng 8 năm 2022 đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi);

+ Anh Bùi Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung C2 sinh ngày 13/11/2006 kể từ tháng 8 năm 2022 đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi).

+ Anh Bùi Văn T và chị Trần Thị Thu H không phải cấp dưỡng nuôi con chung;

+ Anh Bùi Văn T và chị Trần Thị Thu H có quyền thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

+ Không ai được cản trở chị Trần Thị Thu H và anh Bùi Văn T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

2. Về án phí: Chị Trần Thị Thu H phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm (*chị Trần Thị Thu H đã nộp theo biên lai thu tiền số 0009435, ngày 05/5/2022 của chi cục thi hành án dân sự thị xã Đông Triều*);

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Ninh
- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- UBND phường Hồng Phong;
- Lưu hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM.**

**Thẩm phán chủ tọa phiên tòa**

**Phạm Ngọc Bình**